TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** **THÀNH PHỐ M**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2022/HS-ST
Ngày: 12/09/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ – THÀNH PHỐ M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Kim M.

2. Bà Nguyễn Thị C.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thúy N– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thành phố M.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Thanh Đ – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 283/2022/HSST ngày 29 tháng 07 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 379/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 08 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T, sinh năm: 2000, tại Thành phồ M; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Không ổn định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 0/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Không rõ và bà: Trần Thùy T (chết);

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 04/9/2020, Tòa án nhân dân quận Đ (nay là thành phố Đ) ban hành Quyết định số 269/2020/QĐ-TA đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 21/9/2021 chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/05/2022 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

1. Anh Lê Viết L, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Số 47 Đường số 12, Khu phố 3, phường AK, thành phố Đ, Thành phố M (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Xuân N, sinh năm 1975

Địa chỉ: 50A Đường số 6, Khu phố 4, phường BTT, thành phố Đ, Thành phố M (vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 21 Đường số 54, Khu phố 4, phường TĐ, thành phố Đ, Thành phố M (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 19/11/2021 đến ngày 30/11/2021, Nguyễn Minh T đã 03 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn thành phố Đ, cụ thể:

Khoảng 06 giờ ngày 19/11/2021, Nguyễn Minh T đi lòng vòng tại khu vực phường AK, thành phố Đ để tìm người để sơ hở tài sản để trộm cắp. Khi đi ngang qua dãy nhà trọ tại Số 47 Đường số 12, phường AK, thành phố Đ, Thành phố M, T thấy cổng dãy nhà trọ không khóa nên lén lút vào, thấy phòng trọ số 10 (do anh Lê Viết L ở) đang khép hờ, không khóa cửa nên T đẩy cửa đi vào trong lén lút lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 37H1-215.11 (đang cắm ổ khóa trên xe) rồi tẩu thoát. Ngày 30/11/2022, anh L đến công an phường AK trình báo sự việc và giao nộp 01 clip ghi hình T trộm xe của anh L.

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 19/11/2021, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 37H1-215.11 đi vòng quanh khu vực phường BTT, thành phố Đ để tìm người sơ hở tài sản thì trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà số 50A Đường số 6, phường BTT, thành phố Đ do chị Nguyễn Thị Xuân N là chủ sở hữu, T thấy cửa nhà đang mở nên dừng xe lén lút đi vào trong lấy 01 giỏ xách bên trong có máy tính hiệu Dell (bị vỡ màn hình). Ngày 01/12/2022, chị N đến công an phường trình báo sự việc và giao nộp 01 clip ghi nhận hình ảnh T trộm cắp tài sản của chị N.

Khoảng 15 giờ ngày 30/11/2021, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 37H1-215.11 đi kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến nhà trọ Số 21 Đường số 54, Khu phố 4, phường TĐ, thành phố Đ, T dừng xe sau đó đi bộ vào bên trong dãy phòng trọ, nhìn thấy phòng trọ đang mở cửa không có người, T đi vào lén lút lấy 01 điện thoại Sam Sung A20 màu đen đang cắm sạc pin để trên bàn đối diện cửa ra vào của chị Nguyễn Thị Cẩm B. Lúc này, chị B đang ở trong nhà vệ sinh nghe tiếng động nên đi ra thì phát hiện T đang lấy trộm chiếc điện thoại trên và truy hô, cùng lúc này có anh Nguyễn Văn T (ở phòng trọ bên) đi sang giữ T lại. Sau đó báo công an phường đến giải quyết.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Nguyễn Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản Kết luận định giá tài sản số 122-KV1/KL-HĐĐGTS ngày 15/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ, kết luận: 01 máy tính xách tay hiệu Dell Vostro 14 Core I5 3478, Ram 4Gb (bị vỡ màn hình) đã qua sử dụng, có giá trị tại thời điểm được yêu cầu định giá là 900.000 đồng; từ chối định giá 01 túi xách;

Bản Kết luận định giá tài sản số 124-KV1/KL-HĐĐGTS ngày 16/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 37H1-215.11, có giá trị tại thời điểm được yêu cầu định giá là 11.333.333 đồng;

Bản Kết luận định giá tài sản số 126-KV1/KL-HĐĐGTS ngày 16/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ, kết luận: 01 điện thoại Sam Sung A20, có giá trị tại thời điểm được yêu cầu định giá là 983.333 đồng;

Bản Kết luận định giá tài sản số 13/ĐT.21 ngày 16/12/2021 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Thành phố M, kết luận: Tại thời điểm giám định đương sự Nguyễn Minh T có độ tuổi trên 21 tuổi.

Vật chứng vụ án:

- 01 máy tính xách tay hiệu Dell Vostro 14 Core I5 3478, Ram 4Gb (bị vỡ màn hình, 01 giỏ xách tay không thương hiệu, 01 con dấu tên và 01 con dấu công ty, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Xuân N;

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 37H1-215.11, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh Lê Viết L;

- 01 điện thoại Sam Sung A20, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Cẩm B;

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Xuân N, anh Lê Viết L và chị Nguyễn Thị Cẩm B đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nào khác.

Tại Cáo trạng số: 276/CT-VKSTPTĐ ngày 27 tháng 07 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Thành phố M đã truy tố Nguyễn Minh T về tội "Trộm cắp tài sản", theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/5/2022.

Bị cáo Nguyễn Minh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[2] Xét trong quá trình điều tra và truy tố, bị cáo thừa nhận, do cần tiền tiêu nên từ ngày 19/11/2021 đến ngày 30/11/2021, Nguyễn Minh T đã 03 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 37H1-215.11(có giá trị tại thời điểm được yêu cầu định giá là 11.333.333 đồng) của anh Lê Viết L tại nhà trọ số 10 số 47 Đường số 12, phường AK, Thành phố Đ, Thành phố M;

- 01 giỏ xách bên trong có 01 máy tính xách tay hiệu Dell Vostro 14 Core I5 3478, Ram 4Gb (bị vỡ màn hình) đã qua sử dụng và 02 con dấu của chị Nguyễn Thị Xuân N tại nhà số 50A Đường số 6, phường BTT, thành phố Đ. Máy tính có giá trị tại thời điểm được yêu cầu định giá là 900.000 đồng

- 01 điện thoại Sam Sung A20 (có giá trị tại thời điểm được yêu cầu định giá là 983.333 đồng) của chị Nguyễn Thị Cẩm B tại nhà trọ Số 21 Đường số 54, Khu phố 4, phường TĐ, thành phố Đ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Bị cáo là người có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng đã cố ý, lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Hành vi của bị cáo thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt:

Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 13.213.666 đồng, thuộc trường hợp trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu. Vì vậy được áp dụng tình tiết giảm

nhẹ quy định tại điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo, không có nơi cư trú, nghề nghiệp không ổn định nên cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Các bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã xử lý (các tài sản trả lại cho người bị hại) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Áp dụng Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh T** phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T: 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/5/2022.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị T

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Đ;
- Tòa án nhân dân Thành phố M;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. M;
- Sở Tư pháp Thành phố M;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị T